

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

Số: 112/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Giao biên chế công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Cao Bằng năm 2025**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG KHOÁ XVII KỲ HỌP THỨ 26

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25
tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của
Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 35-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban
Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 3185-QĐ/BTCTW ngày 11 tháng 11 năm 2024 của
Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Cao Bằng năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1968-QĐ/TU ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ban
Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng về biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính
nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm
vụ tỉnh Cao Bằng năm 2025;

Xét Tờ trình số 3142/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết giao biên chế công chức trong các
cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Cao
Bằng năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý
kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao biên chế công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân
dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Cao Bằng năm 2025: **2.013** biên
ché, cụ thể như sau:

- Cấp tỉnh: 1.122 biên chế;
- Cấp huyện: 886 biên chế;
- Biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính: 05 biên chế.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ 26 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua. *LDH*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (*để b/c*);
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Triệu Đình Lê

Phụ lục

**GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH,
CẤP HUYỆN TỈNH CAO BẰNG NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

TT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2025	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	2.013	
I	SỞ, NGÀNH	1.122	
1	Sở Nội vụ	59	
2	Sở Tư pháp	29	
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	43	
4	Sở Tài chính	57	
5	Sở Công Thương	45	
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	280	
7	Sở Giao thông vận tải	45	
8	Sở Xây dựng	39	
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	50	
10	Sở Thông tin và Truyền thông	25	
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	50	
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	39	
13	Sở Khoa học và Công nghệ	32	
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	51	
15	Sở Y tế	65	
16	Thanh tra tỉnh	29	
17	Sở Ngoại vụ	27	
18	Ban Dân tộc	22	
19	Văn phòng ĐBQH và HĐND tỉnh	39	
20	Văn phòng UBND tỉnh	60	
21	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	36	



TT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2025	Ghi chú
II	HUYỆN, THÀNH PHỐ	886	
1	Ủy ban nhân dân huyện Bảo lâm	80	
2	Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lạc	81	
3	Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng	107	
4	Ủy ban nhân dân huyện Hạ Lang	80	
5	Ủy ban nhân dân huyện Hòa An	85	
6	Ủy ban nhân dân huyện Nguyên Bình	81	
7	Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa	100	
8	Ủy ban nhân dân huyện Thạch An	79	
9	Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh	103	
10	Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng	90	
III	BIÊN CHẾ THU HỒI SAU SÁP NHẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	5	

./.